

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thúy Nga**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chí

2. Bà Lê Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Diệp Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 596/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**; sinh năm: 1986; địa chỉ thường trú: 622/38/14 đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: 13/16, tổ 61, đường M, ấp N, xã P, huyện Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Trần Quang M**; sinh năm: 1986; địa chỉ: 622/38/14 đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/4/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Trần Quang M tự nguyện quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau từ năm 2002 đến năm 2006 thì tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 303, quyền số: 02/2006, ngày 30/10/2006.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh M không lo làm ăn, hần học, quây phá, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015. Mặc dù chị đã nỗ lực hàn gắn, giải quyết các mâu thuẫn để gia đình sống hạnh phúc nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tình cảm vợ chồng chị dành cho anh M hiện nay không còn. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quang M.

- Về nuôi con chung:

Trong thời gian chung sống, chị và anh M có 02 con chung tên là Trần Bảo N, sinh ngày 14/12/2005 và Trần Quang T, sinh ngày 13/3/2008. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Bảo N và giao cháu Trần Quang T cho anh M nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn là anh Trần Quang M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là chị Bùi Thị H vắng mặt. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn là anh Trần Quang M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, tham gia tố tụng đúng quy định từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại các Điều 195 và Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Bùi Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Trần Quang M.

- Về nuôi con chung:

+ Giao cháu Trần Quang T, sinh ngày 13/3/2008 cho anh Trần Quang M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

+ Giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 14/12/2005 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là chị Bùi Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Trần Quang M, cư trú tại địa chỉ số: 622/38/14 đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, có cơ sở xác định đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là chị Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn là anh Trần Quang M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị H và anh Trần Quang M đã được Ủy ban nhân dân Phường D, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 303, quyển số: 02/2006 nên có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị H và anh M được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh M lại không lo làm ăn, chăm lo đời sống chung của vợ chồng, dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện: Chị H và anh M không còn chung sống với nhau tại địa chỉ số: 622/38/14 đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh M không có mong muốn hòa giải đoàn tụ, không mong muốn hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, khả năng gia đình đoàn tụ là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh M có 02 con chung tên là Trần Bảo N, sinh ngày 14/12/2005 và Trần Quang T, sinh ngày: 13/3/2008.

Căn cứ vào các bản trình bày nguyện vọng ngày 15/6/2017 của các cháu Trần Bảo N và Trần Quang T, thể hiện: Cháu Trần Bảo N có nguyện vọng ở với mẹ ruột là chị Bùi Thị H và cháu Trần Quang T có nguyện vọng ở với cha ruột là anh Trần Quang M.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện: Anh Trần Quang M và cháu Trần Quang T hiện đang sinh sống tại địa chỉ 622/38/14 đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, cùng với gia đình anh M được 02 năm, cháu T hiện đang học lớp 4 trường E. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, tránh gây tổn thất về tinh thần, sức khỏe cũng như hạn chế việc xáo trộn môi trường sống và giáo dục của cháu nên Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao cháu Trần Quang T cho anh Trần Quang M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Bảo N cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 19; Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Trần Quang M.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 303, quyền số: 02/2006 do Ủy ban nhân dân phường D, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/2006 không còn giá trị pháp lý).

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Trần Bảo N, sinh ngày 14/12/2005 và Trần Quang T, sinh ngày 13/3/2008.

2.1. Giao con chung tên là Trần Bảo N, sinh ngày 14/12/2005 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

2.2. Giao con chung tên là Trần Quang T, sinh ngày 13/3/2008 cho anh Trần Quang M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

2.3. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, chị Bùi Thị H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Bùi Thị H

đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0018399 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị H và anh Trần Quang M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA DS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- UBND Phường D, quận C,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Thúy Nga